

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Trung ương giao	Dự toán năm 2025			Ghi chú
			UBND tỉnh Gia Lai giao	Trong đó		
				Bình Định (Nghị quyết số: 87/NQ- HDND ngày 12/12/2024 và 232/NQ- HDND ngày 25/6/2025)	Gia Lai trước sắp xếp (Nghị quyết số: 440/NQ-HDND ngày 10/12/2024 và 499/NQ-HDND ngày 24/6/2025)	
A	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	20.857.200	24.082.445	17.543.664	6.538.781	
	Bao gồm:		-			
1	Thu nội địa (không kể thu từ dầu thô)	19.825.000	22.903.245	16.498.664	6.404.581	
2	Thu từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	835.000	980.000	950.000	30.000	
3	Thu vay bù đắp bội chi	197.200	197.200	93.000	104.200	
4	Thu viện trợ		2.000	2.000		
B	TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	39.678.258	43.280.331	24.041.592	19.238.739	
I	Các khoản thu cân đối NSDP	18.692.400	21.773.225	15.935.744	5.837.481	
1	Các khoản thu NSDP hưởng 100%	10.141.850	12.991.965	10.579.884	2.412.081	
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	8.190.550	8.421.260	5.185.860	3.235.400	
3	Thu xổ số kiến thiết	360.000	360.000	170.000	190.000	
II	Thu vay bù đắp bội chi	197.200	197.200	93.000	104.200	
III	Thu chuyển nguồn CCTL còn dư năm trước chuyển sang	331.792	372.080	98.668	273.412	
IV	Thu viện trợ		2.000	2.000		
IV	Ngân sách Trung ương bổ sung	20.456.866	20.456.866	7.912.180	12.544.686	
1	Bổ sung cân đối ổn định	11.327.894	11.327.894	3.730.022	7.597.872	
2	Bổ sung có mục tiêu	5.169.741	5.169.741	2.307.875	2.861.866	
3	Bổ sung để thực hiện cải cách tiền lương theo quy định	3.959.231	3.959.231	1.874.283	2.084.948	
V	Thu kết dư ngân sách		478.960		478.960	
C	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	39.678.258	43.246.231	24.007.492	19.238.739	
I	Tổng chi cân đối ngân sách địa phương	34.508.517	36.411.658	20.282.369	16.129.289	
1	Chi đầu tư phát triển	9.698.760	11.113.764	8.295.208	2.818.556	
2	Chi thường xuyên	24.079.170	24.490.651	11.518.719	12.971.932	
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	41.600	38.960	35.800	3.160	
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	2.760	2.760	1.360	1.400	
5	Dự phòng ngân sách	686.227	765.523	431.282	334.241	
II	Chi tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương		648.249	400.665	247.584	
III	Chi từ nguồn thu viện trợ		2.000	2.000		
IV	Chi chương trình mục tiêu quốc gia và chi theo mục tiêu	5.169.741	6.184.324	3.322.458	2.861.866	

STT	Nội dung	Trung ương giao	Dự toán năm 2025			Ghi chú
			UBND tỉnh Gia Lai giao	Trong đó		
				Bình Định (Nghị quyết số: 87/NQ- HĐND ngày 12/12/2024 và 232/NQ- HĐND ngày 25/6/2025)	Gia Lai trước sắp xếp (Nghị quyết số: 440/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 và 499/NQ-HĐND ngày 24/6/2025)	
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	1.087.814	1.087.814	296.111	791.703	
2	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu	4.081.927	5.096.510	3.026.347	2.070.163	
D	BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	197.200	197.200	93.000	104.200	
D	TỔNG MỨC VAY CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	241.200	275.300	161.200	114.100	
1	Vay bù đắp bội chi	197.200	231.300	127.100	104.200	
2	Vay trả nợ gốc	44.000	44.000	34.100	9.900	
E	TRẢ NỢ GỐC VAY CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	44.000	56.152	46.252	9.900	
1	Từ nguồn vay để trả nợ gốc	44.000	9.900	-	9.900	
2	Bội thu ngân sách địa phương		34.100	34.100		
a	Đầu tư tập trung ngân sách tỉnh		-			
b	Tiền sử dụng đất		34.100	34.100		
3	Khấu hao tài sản hình thành từ vốn vay		12.152	12.152		

Ghi chú: Tổng chi ngân sách địa phương 43.246.231 triệu đồng là chưa bao gồm bội thu tiền sử dụng đất của tỉnh Bình Định cũ để trả nợ gốc vay đến hạn 34.100 triệu đồng

DỰ TOÁN CHI THUỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Tên đơn vị	Dự toán năm 2025	Bao gồm					
			Chi sự nghiệp kinh tế	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn
	TỔNG CỘNG	8.957.459.000.000	1.337.935.000.000	38.582.000.000	1.909.560.000.000	115.247.000.000	253.128.000.000	87.718.000.000
	Bình Định	4.777.609.000.000	934.283.000.000	20.891.000.000	996.486.000.000	91.663.000.000	145.016.000.000	48.821.000.000
	Gia Lai	4.179.850.000.000	403.652.000.000	17.691.000.000	913.074.000.000	23.584.000.000	108.112.000.000	38.897.000.000
1	Văn phòng Tỉnh ủy	402.170.872.121	-	-	1.024.000.000	-	43.965.119.142	38.897.000.000
	Bình Định	150.653.394.119			139.000.000		8.890.119.142	
	Gia Lai	251.517.478.002	-	-	885.000.000	-	35.075.000.000	38.897.000.000
2	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	42.755.000.000	-	-	19.000.000	-	-	-
	Bình Định	19.760.000.000			19.000.000			
	Gia Lai	22.995.000.000	-	-	-	-	-	-
3	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	127.839.987.088	1.404.000.000	-	68.000.000	-	5.237.000.000	-
	Bình Định	64.358.366.023			68.000.000		5.237.000.000	
	Gia Lai	63.481.621.065	1.404.000.000	-	-	-	-	-
4	Sở Du lịch	3.113.307.931	1.913.981.289	-	-	-	-	-
	Bình Định	3.113.307.931	1.913.981.289					
	Gia Lai	-						
5	Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh	30.112.400.000	-	390.000.000	484.000.000	-	-	-
	Bình Định	13.894.000.000		390.000.000	484.000.000			
	Gia Lai	16.218.400.000	-	-	-	-	-	-
6	Công an tỉnh	118.884.848.500	-	750.000.000	2.200.000.000	-	-	-
	Bình Định	36.792.307.500						
	Gia Lai	82.092.541.000	-	750.000.000	2.200.000.000	-	-	-
7	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	211.136.795.000	-	-	7.711.000.000	-	-	-
	Bình Định	123.601.000.000						
	Gia Lai	87.535.795.000	-	-	7.711.000.000	-	-	-
8	Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh	59.621.000.000	5.000.000.000	-	-	-	-	-
	Bình Định	24.000.000.000						
	Gia Lai	35.621.000.000	5.000.000.000	-	-	-	-	-
9	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	17.093.137.619	5.315.235.119	-	10.078.000	-	-	-
	Bình Định	17.093.137.619	5.315.235.119		10.078.000			
	Gia Lai	-						
10	Sở Kế hoạch và Đầu tư	2.650.100.726	887.933.757	-	-	225.909.882	-	-
	Bình Định	2.650.100.726	887.933.757			225.909.882		
	Gia Lai	-						
11	Sở Tư pháp	38.167.591.682	16.037.000.000	-	243.000.000	-	-	-
	Bình Định	22.797.791.682	9.602.000.000		243.000.000			

STT	Tên đơn vị	Dự toán năm 2025	Bao gồm					
			Chi sự nghiệp kinh tế	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn
	Gia Lai	15.369.800.000	6.435.000.000	-	-	-	-	-
12	Sở Công Thương	48.866.603.549	25.592.310.996	100.000.000	331.000.000	-	675.000.000	-
	Bình Định	25.388.803.549	11.905.310.996	100.000.000	331.000.000		675.000.000	
	Gia Lai	23.477.800.000	13.687.000.000	-	-	-	-	-
13	Sở Khoa học và Công nghệ	191.386.260.861	44.676.000.000	-	985.275.000	55.897.000.000	6.148.897.876	-
	Bình Định	118.943.099.257			907.275.000	44.190.000.000	6.148.897.876	
	Gia Lai	72.443.161.604	44.676.000.000	-	78.000.000	11.707.000.000	-	-
14	Sở Tài chính	74.551.914.360	14.529.951.447	-	800.000.000	-	-	-
	Bình Định	40.025.914.360	9.452.951.447		800.000.000			
	Gia Lai	34.526.000.000	5.077.000.000	-	-	-	-	-
15	Sở Xây dựng	479.104.732.393	410.780.536.612	-	779.000.000	-	-	-
	Bình Định	415.380.532.393	386.503.536.612		715.000.000			
	Gia Lai	63.724.200.000	24.277.000.000	-	64.000.000	-	-	-
16	Sở Giao thông vận tải	2.386.307.682	41.463.388	-	-	-	-	-
	Bình Định	2.386.307.682	41.463.388					
	Gia Lai	-						
17	Sở Giáo dục và Đào tạo	1.716.811.381.666	-	226.000.000	1.690.524.881.440	-	-	-
	Bình Định	880.880.720.440		226.000.000	869.395.881.440			
	Gia Lai	835.930.661.226	-	-	821.129.000.000	-	-	-
18	Sở Y tế	1.231.767.156.922	289.000.000	-	827.680.000	5.795.250.000	-	-
	Bình Định	509.830.061.967			827.680.000	5.795.250.000		
	Gia Lai	721.937.094.955	289.000.000	-	-	-	-	-
19	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	49.633.656.471	-	-	17.324.950.000	-	-	-
	Bình Định	49.633.656.471			17.324.950.000			
	Gia Lai	-						
20	Sở Văn hóa và Thể thao	18.675.019.228	-	-	-	-	10.872.318.899	-
	Bình Định	18.675.019.228					10.872.318.899	
	Gia Lai	-						
21	Sở Tài nguyên và Môi trường	5.996.540.068	3.168.312.416	176.201.370	41.586.000	-	-	-
	Bình Định	5.996.540.068	3.168.312.416	176.201.370	41.586.000			
	Gia Lai	-						
22	Sở Thông tin và Truyền thông	1.845.209.081	-	-	46.725.000	-	707.954.124	-
	Bình Định	1.845.209.081			46.725.000		707.954.124	
	Gia Lai	-						
23	Sở Nội vụ	146.770.431.153	10.572.750.000	-	2.686.271.000	-	-	-
	Bình Định	80.275.892.764	4.662.750.000		2.686.271.000			
	Gia Lai	66.494.538.389	5.910.000.000	-	-	-	-	-
24	Sở Ngoại vụ	8.435.000.000	-	-	218.000.000	-	-	-
	Bình Định	8.435.000.000			218.000.000			
	Gia Lai	-						
25	Thanh tra tỉnh	38.474.287.828	3.000.000.000	-	120.000.000	-	-	-
	Bình Định	24.373.487.828			120.000.000			
	Gia Lai	14.100.800.000	3.000.000.000	-	-	-	-	-
26	Ban Dân tộc tỉnh	590.387.269	-	-	-	-	-	-
	Bình Định	590.387.269						
	Gia Lai	-						

STT	Tên đơn vị	Dự toán năm 2025	Bao gồm					
			Chi sự nghiệp kinh tế	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn
27	Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh	64.786.600.000	44.887.000.000	697.000.000	775.000.000	-	-	-
	Bình Định	49.409.000.000	36.081.000.000	697.000.000	775.000.000			
	Gia Lai	15.377.600.000	8.806.000.000	-	-	-	-	-
28	Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tỉnh	17.707.200.000	-	600.000.000	100.000.000	-	-	-
	Bình Định	9.849.000.000		600.000.000	100.000.000			
	Gia Lai	7.858.200.000	-	-	-	-	-	-
29	Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh	50.293.400.000	-	688.000.000	535.000.000	-	11.767.000.000	-
	Bình Định	26.779.000.000		468.000.000	535.000.000		7.031.000.000	
	Gia Lai	23.514.400.000	-	220.000.000	-	-	4.736.000.000	-
30	Hội Nông dân tỉnh	19.225.800.000	-	460.000.000	372.000.000	-	-	-
	Bình Định	11.084.000.000		460.000.000	372.000.000			
	Gia Lai	8.141.800.000	-	-	-	-	-	-
31	Hội Cựu chiến binh tỉnh	9.418.800.000	-	120.000.000	-	-	-	-
	Bình Định	4.870.000.000		120.000.000				
	Gia Lai	4.548.800.000	-	-	-	-	-	-
32	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn	47.069.000.000	-	-	47.069.000.000	-	-	-
	Bình Định	47.069.000.000			47.069.000.000			
	Gia Lai	-						
33	Trường Cao đẳng Y tế Bình Định	25.869.000.000	-	-	25.869.000.000	-	-	-
	Bình Định	25.869.000.000			25.869.000.000			
	Gia Lai	-						
34	Trường Chính trị tỉnh	24.569.200.000	-	-	24.554.000.000	-	-	-
	Bình Định	11.051.000.000			11.051.000.000			
	Gia Lai	13.518.200.000	-	-	13.503.000.000	-	-	-
35	Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh	605.056.345	605.056.345	-	-	-	-	-
	Bình Định	605.056.345	605.056.345					
	Gia Lai	-						
36	Đài Phát thanh và Truyền hình	22.467.766.299	-	-	-	-	-	22.467.766.299
	Bình Định	22.467.766.299						22.467.766.299
	Gia Lai	-						
37	Văn phòng điều phối về biến đổi khí hậu	1.068.000.000	-	1.068.000.000	-	-	-	-
	Bình Định	1.068.000.000		1.068.000.000				
	Gia Lai	-						
38	Ban An toàn giao thông tỉnh	25.592.000.000	24.500.000.000	-	-	-	-	-
	Bình Định	24.500.000.000	24.500.000.000					
	Gia Lai	1.092.000.000	-	-	-	-	-	-
39	Liên minh các Hợp tác xã	9.087.600.000	4.834.000.000	-	-	-	-	-
	Bình Định	5.248.000.000	1.000.000.000					
	Gia Lai	3.839.600.000	3.834.000.000	-	-	-	-	-
40	Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh	8.448.245.000	-	-	-	3.728.845.000	-	-
	Bình Định	6.340.845.000				2.751.845.000		

STT	Tên đơn vị	Dự toán năm 2025	Bao gồm					
			Chi sự nghiệp kinh tế	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và đạy nghề	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn
	Gia Lai	2.107.400.000	-	-	-	977.000.000	-	-
41	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam tỉnh	1.603.000.000	-	-	-	-	-	-
	Bình Định	1.171.000.000						
	Gia Lai	432.000.000	-	-	-	-	-	-
42	Hội Văn học nghệ thuật tỉnh	9.609.600.000	-	-	-	-	3.188.000.000	-
	Bình Định	6.418.000.000						
	Gia Lai	3.191.600.000	-	-	-	-	3.188.000.000	-
43	Hội Nhà báo tỉnh	5.993.600.000	-	-	-	-	-	-
	Bình Định	3.708.000.000						
	Gia Lai	2.285.600.000	-	-	-	-	-	-
44	Hội Chữ thập đỏ tỉnh	7.421.600.000	-	-	50.000.000	-	-	-
	Bình Định	3.568.000.000			50.000.000			
	Gia Lai	3.853.600.000	-	-	-	-	-	-
45	Hội Luật gia tỉnh	779.000.000	-	-	-	-	-	-
	Bình Định	729.000.000						
	Gia Lai	50.000.000	-	-	-	-	-	-
46	Hội Người mù tỉnh	2.178.200.000	-	-	-	-	-	-
	Bình Định	993.000.000						
	Gia Lai	1.185.200.000	-	-	-	-	-	-
47	Hội Đông y tỉnh	1.307.400.000	-	-	-	-	-	-
	Bình Định	636.000.000						
	Gia Lai	671.400.000	-	-	-	-	-	-
48	Hội nạn nhân chất độc da cam/Dioxin	2.214.800.000	-	-	-	-	-	-
	Bình Định	1.013.000.000						
	Gia Lai	1.201.800.000	-	-	-	-	-	-
49	Hội Cựu Thanh niên xung phong tỉnh	1.143.000.000	-	-	-	-	-	-
	Bình Định	535.000.000						
	Gia Lai	608.000.000	-	-	-	-	-	-
50	Hội Bảo trợ Người khuyết tật và Bảo vệ quyền trẻ em tỉnh Bình Định	2.022.000.000	-	-	-	-	-	-
	Bình Định	1.204.000.000						
	Gia Lai	818.000.000	-	-	-	-	-	-
51	Hội Khuyến học tỉnh	1.356.000.000	-	-	656.000.000	-	-	-
	Bình Định	700.000.000						
	Gia Lai	656.000.000	-	-	656.000.000	-	-	-
52	Hội Cựu tù chính trị cách mạng tỉnh	1.485.200.000	-	-	-	-	-	-
	Bình Định	918.200.000						
	Gia Lai	567.000.000	-	-	-	-	-	-
53	Hội Người cao tuổi tỉnh	2.180.400.000	-	-	-	-	-	-
	Bình Định	1.327.000.000						
	Gia Lai	853.400.000	-	-	-	-	-	-

STT	Tên đơn vị	Dự toán năm 2025	Bao gồm					
			Chi sự nghiệp kinh tế	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn
54	Hội Bảo trợ bệnh nhân nghèo tỉnh	643.000.000	-	-	-	-	-	-
	Bình Định	643.000.000						
	Gia Lai	-						
55	Hội Làm vườn (Hiệp hội VAC)	613.000.000	160.000.000	-	-	-	-	-
	Bình Định	613.000.000	160.000.000					
	Gia Lai	-						
56	Trung tâm Quốc tế Khoa học và Giáo dục liên ngành (Trung tâm ICISE)	7.000.000.000	-	-	-	7.000.000.000	-	-
	Bình Định	7.000.000.000				7.000.000.000		
	Gia Lai	-						
58	Kinh phí thực hiện các chính sách bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội tự nguyện trên địa bàn tỉnh	1.559.232.000.000	-	-	-	-	-	-
	Bình Định	592.603.000.000						
	Gia Lai	966.629.000.000	-	-	-	-	-	-
63	Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh	13.125.000.000	-	-	-	13.125.000.000	-	-
	Bình Định	13.125.000.000				13.125.000.000		
	Gia Lai	-						
64	Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội Bình Định	120.029.000.000	-	-	-	-	-	-
	Bình Định	120.029.000.000						
	Gia Lai	-						
65	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	302.474.285.581	20.407.432.989	-	10.592.000.000	-	149.891.289.983	-
	Bình Định	187.189.837.185	14.640.432.989		333.000.000		84.778.289.983	
	Gia Lai	115.284.448.396	5.767.000.000	-	10.259.000.000	-	65.113.000.000	-
66	Bảo và Phát thanh và Truyền hình	45.810.614.559	-	-	-	-	19.457.380.858	26.353.233.701
	Bình Định	45.810.614.559					19.457.380.858	26.353.233.701
	Gia Lai	-						
67	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông và Dân dụng tỉnh	6.733.511.000	6.733.511.000	-	-	-	-	-
	Bình Định	6.733.511.000	6.733.511.000					
	Gia Lai	-						
68	Sở Nông nghiệp và Môi trường	587.803.251.255	311.843.550.932	24.744.798.630	2.012.622.000	957.134.000	-	-
	Bình Định	225.986.647.825	107.577.550.932	16.585.798.630	2.012.622.000	957.134.000		
	Gia Lai	361.816.603.430	204.266.000.000	8.159.000.000	-	-	-	-
69	Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh	9.451.234.188	9.451.234.188	-	-	-	-	-
	Bình Định	9.451.234.188	9.451.234.188					
	Gia Lai	-						
70	Sở Dân tộc và Tôn giáo	24.951.985.887	102.000.000	-	84.000.000	-	-	-
	Bình Định	9.315.585.887			84.000.000			

STT	Tên đơn vị	Dự toán năm 2025	Bao gồm					
			Chi sự nghiệp kinh tế	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn
	Gia Lai	15.636.400.000	102.000.000	-	-	-	-	-
71	Công ty TNHH Lâm Nghiệp Quy Nhơn	146.168.000	146.168.000	-	-	-	-	-
	Bình Định	146.168.000	146.168.000					
	Gia Lai	-						
72	Trường đại học Quy Nhơn	29.200.000	-	-	-	-	-	-
	Bình Định	29.200.000						
	Gia Lai							
72	Ban liên lạc những người tham gia hoạt động cách mạng trong các thời kỳ kháng chiến hiện đang sinh sống trên địa bàn tỉnh	386.000.000	-	-	-	-	-	-
	Bình Định							
	Gia Lai	386.000.000	-	-	-	-	-	-
73	Trường Cao đẳng Gia Lai	55.784.200.000	-	-	55.713.000.000	-	-	-
	Bình Định							
	Gia Lai	55.784.200.000	-	-	55.713.000.000	-	-	-
74	Vườn quốc gia Kon Ka Kinh	12.162.600.000	12.131.000.000	-	-	-	-	-
	Bình Định							
	Gia Lai	12.162.600.000	12.131.000.000	-	-	-	-	-
75	Trung tâm nuôi dưỡng, phục hồi chức năng bán trú cho nạn nhân chất độc da cam/dioxin	966.400.000	-	-	-	-	-	-
	Bình Định							
	Gia Lai	966.400.000	-	-	-	-	-	-
76	Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	130.000.000	130.000.000	-	-	-	-	-
	Bình Định							
	Gia Lai	130.000.000	130.000.000	-	-	-	-	-
79	Kinh phí thực hiện các chính sách được cấp thẩm quyền ban hành (Bình Định)	487.404.000.000	290.875.000.000	-	-	-	-	-
'-	Chi cấp bù thủy lợi phí	71.776.000.000	71.776.000.000	-	-	-	-	-
'-	Chi thực hiện các chính sách bảo trợ xã hội	115.741.000.000	-	-	-	-	-	-
'-	Chi thực hiện Đề án hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh Bình Định đến năm 2025	62.450.000.000	-	-	-	-	-	-
'-	Chi hỗ trợ để bảo vệ, phát triển đất trồng lúa	774.000.000	774.000.000	-	-	-	-	-

STT	Tên đơn vị	Dự toán năm 2025	Bao gồm					
			Chi sự nghiệp kinh tế	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn
'-	Chính sách hỗ trợ kinh phí mua sắm, lắp đặt thiết bị giám sát hành trình trên tàu cá có chiều dài từ 12 mét đến dưới 15 mét hoạt động nghề câu mực (mảnh mực) thường xuyên đi chuyên ngư trường tại các tỉnh phía Nam cho ngư dân trên địa bàn tỉnh Bình Định	2.180.000.000	2.180.000.000	-	-	-	-	-
'-	Chi thực hiện các chính sách của địa phương về hỗ trợ xã xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Bình Định (vốn sự nghiệp đối ứng chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới)	9.000.000.000	9.000.000.000	-	-	-	-	-
	Chi thực hiện các chính sách của địa phương: hỗ trợ cho doanh nghiệp tham gia hội chợ; hỗ trợ người sử dụng dịch vụ hòa táng; các chính sách nông nghiệp; các chính sách đã ban hành khác còn lại; và các chính sách của địa phương được Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành tại kỳ họp lần thứ 20 năm 2024	225.483.000.000	207.145.000.000	-	-		-	-
80	Chi khác ngân sách (Bình Định)	67.498.692.500	-	-	-	-	-	-
'-	Kinh phí phục vụ Đại hội Đảng	20.000.000.000	-	-	-	-	-	-
'-	Mua dịch vụ xe buýt	19.000.000.000						
'-	Hỗ trợ Cục Thống kê	3.075.000.000			-			
'-	Hỗ trợ Cục Thuế	240.000.000			-			
'-	Hỗ trợ Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh	400.000.000						
'-	Hỗ trợ Tòa án nhân dân tỉnh	500.000.000			-			
'-	Hỗ trợ Trung đoàn 925	500.000.000			-			
'-	Hỗ trợ học bổng hàng năm cho sinh viên Lào	5.000.000.000			-			
'-	Hỗ trợ hoạt động Ban chỉ đạo chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả (Ban chỉ đạo 389)	300.000.000						
'-	Chi lại từ nguồn thu xử phạt, tịch thu, thanh tra; hỗ trợ lãi vay vốn; các khoản chi khác còn lại	18.483.692.500						
81	Các đơn vị và nhiệm vụ còn lại của Gia Lai	64.906.200.000	55.861.000.000	-	-	-	-	-

STT	Tên đơn vị	Dự toán năm 2025	Bao gồm					
			Chi sự nghiệp kinh tế	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn
1	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Lơ Ku	58.000.000	58.000.000		-			
1	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ka Nak	76.000.000	76.000.000		-			
1	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Krông Pa	42.000.000	42.000.000		-			
1	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kông Chro	370.000.000	370.000.000		-			
1	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đăk Roong	201.000.000	201.000.000		-			
1	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Tràm Lập	234.000.000	234.000.000		-			
1	Công ty CP Kinh doanh HXXK Quang Đức	618.000.000	618.000.000		-			
1	Công ty TNHH MTV Cao su Mang Yang	5.922.000.000	5.922.000.000		-			
1	Công ty TNHH MTV Cao su Chư Sê	4.241.000.000	4.241.000.000		-			
1	Công ty TNHH MTV Cao su Chư Prông	7.977.000.000	7.977.000.000		-			
1	Công ty TNHH MTV Cao su Chư Păh	8.291.000.000	8.291.000.000		-			
1	Công ty Cổ phần Cà phê Gia Lai	307.000.000	307.000.000		-			
1	Công ty Cổ phần đồ thị	50.000.000						
1	Bố trí vốn đối ứng CTMTQG giảm nghèo bền vững (Sở Lao động thương binh và Xã hội trình UBND tỉnh phân bổ cho các đơn vị liên quan)	1.596.000.000	1.596.000.000		-			
1	Bố trí vốn đối ứng vốn sự nghiệp CT MTQG Nông thôn mới (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình UBND tỉnh phân bổ cho các đơn vị liên quan)	1.516.000.000	1.516.000.000		-			
1	Bố trí vốn đối ứng vốn sự nghiệp CT MTQG Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (Ban dân tộc phối hợp với Sở Tài chính trình UBND tỉnh phân bổ cho các đơn vị liên quan)	16.825.000.000	16.825.000.000		-			
1	Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Gia Lai	7.587.000.000	7.587.000.000		-			
1	Tòa án nhân dân tỉnh	600.000.000	-		-			
1	Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh	500.000.000	-		-			
1	Cục thi hành án dân sự tỉnh	182.000.000	-		-			

STT	Tên đơn vị	Dự toán năm 2025	Bao gồm					
			Chi sự nghiệp kinh tế	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn
'-	Cục Quản lý thị trường tỉnh (hỗ trợ kinh phí hoạt động của BCD 389 tỉnh)	150.000.000	-		-			
'-	Buru điện tỉnh	1.147.000.000	-		-			
'-	Hỗ trợ làng trẻ em SOS Pleiku	5.789.000.000	-		-			
'-	Liên đoàn lao động tỉnh	627.200.000	-		-			
83	Chi thực hiện chế độ, chính sách của tỉnh và các nhiệm vụ của ngân sách tỉnh theo chỉ đạo của cấp thẩm quyền (Bình Định)	73.526.603.255	9.059.571.522	-	13.857.931.560	17.617.861.118	1.218.039.118	-
	Trong đó:	-						
	Số đã phân bổ chi các đơn vị, huyện, thị xã, thành phố đến ngày 30/6/2025	36.085.870.200	7.952.000.000		5.614.000.000	14.195.650.000	979.000.000	
	Số còn lại	37.440.733.055	1.107.571.522	-	8.243.931.560	3.422.211.118	239.039.118	-
84	Các nhiệm vụ của ngân sách tỉnh (Gia Lai)	82.310.656.933	3.000.000.000	8.562.000.000	876.000.000	10.900.000.000	-	-
'-	Kinh phí hỗ trợ sau đại học	700.000.000	-		700.000.000			
	Trong đó:	-						
	Số đã phân bổ chi các đơn vị, huyện, thị xã, thành phố đến ngày 30/6/2025	110.000.000			110.000.000			
	Số còn lại	590.000.000	-	-	590.000.000	-	-	-
'-	Sự nghiệp môi trường khác	8.562.000.000		8.562.000.000				
'-	Sự nghiệp khoa học công nghệ chờ phân bổ sau	10.900.000.000	-	-	-	10.900.000.000	-	-
'-	Chi đảm bảo ATGT từ nguồn thu phạt an toàn giao thông	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-	-	-	-
'-	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đối ngoại, công tác biên giới	4.338.205.000	-		-			
	Trong đó:	-						
	Số đã phân bổ chi các đơn vị, huyện, thị xã, thành phố đến ngày 30/6/2025	200.000.000						
	Số còn lại	4.138.205.000	-	-	-	-	-	-
'-	Kinh phí phục vụ tết nguyên đán và các khoản chi khác	52.945.213.916	-		-			
	Trong đó:	-						
	Số đã phân bổ chi các đơn vị, huyện, thị xã, thành phố đến ngày 30/6/2025	43.334.695.200						
	Số còn lại	9.610.518.716	-	-	-	-	-	-
'-	Các nhiệm vụ chuyển về ngân sách tỉnh	1.865.238.017			176.000.000			

DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

ĐVT: đồng

STT	Tên đơn vị	Bao gồm							Ghi chú
		Chi sự nghiệp thể dục thể thao	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Chi đảm bảo xã hội	Chi hành chính	Chi An ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi Quốc phòng	Chi khác	
	TỔNG CỘNG	105.313.000.000	2.678.153.000.000	305.683.449.000	1.407.691.010.000	293.900.541.000	261.920.000.000	162.628.000.000	
	Bình Định	82.031.000.000	1.028.777.000.000	247.455.000.000	729.964.000.000	214.779.000.000	152.162.000.000	85.281.000.000	
	Gia Lai	23.282.000.000	1.649.376.000.000	58.228.449.000	677.727.010.000	79.121.541.000	109.758.000.000	77.347.000.000	
1	Văn phòng Tỉnh ủy	-	-	-	305.764.207.895	-	-	12.520.545.084	
	Bình Định				141.624.274.977				
	Gia Lai	-	-	-	164.139.932.918	-	-	12.520.545.084	
2	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	-	-	-	42.718.000.000	-	-	18.000.000	
	Bình Định				19.741.000.000				
	Gia Lai	-	-	-	22.977.000.000	-	-	18.000.000	
3	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	-	-	-	120.444.195.088	-	-	686.792.000	
	Bình Định				59.053.366.023				
	Gia Lai	-	-	-	61.390.829.065	-	-	686.792.000	
4	Sở Du lịch	-	-	-	1.199.326.642	-	-	-	
	Bình Định				1.199.326.642				
	Gia Lai								
5	Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh	-	-	-	29.228.000.000	-	-	10.400.000	
	Bình Định				13.020.000.000				
	Gia Lai	-	-	-	16.208.000.000	-	-	10.400.000	
6	Công an tỉnh	-	-	870.000.000	-	112.361.541.000	-	2.703.307.500	
	Bình Định			870.000.000		33.240.000.000		2.682.307.500	
	Gia Lai	-	-	-	-	79.121.541.000	-	21.000.000	
7	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	-	-	-	-	-	203.218.000.000	207.795.000	
	Bình Định						123.601.000.000		
	Gia Lai	-	-	-	-	-	79.617.000.000	207.795.000	
8	Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh	-	-	-	-	-	54.141.000.000	480.000.000	
	Bình Định						24.000.000.000		
	Gia Lai	-	-	-	-	-	30.141.000.000	480.000.000	
9	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	-	-	-	11.767.824.500	-	-	-	
	Bình Định				11.767.824.500				
	Gia Lai								
10	Sở Kế hoạch và Đầu tư	-	-	-	1.536.257.087	-	-	-	
	Bình Định				1.536.257.087				
	Gia Lai								
11	Sở Tư pháp	-	-	-	21.866.791.682	-	-	20.800.000	
	Bình Định				12.952.791.682				

STT	Tên đơn vị	Bao gồm							Ghi chú
		Chi sự nghiệp thể dục thể thao	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Chi đảm bảo xã hội	Chi hành chính	Chi An ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi Quốc phòng	Chi khác	
	Gia Lai	-	-	-	8.914.000.000	-	-	20.800.000	
12	Sở Công Thương	-	-	-	22.147.492.553	-	-	20.800.000	
	Bình Định				12.377.492.553				
	Gia Lai	-	-	-	9.770.000.000	-	-	20.800.000	
13	Sở Khoa học và Công nghệ	-	-	-	83.649.887.985	-	-	29.200.000	
	Bình Định				67.696.926.381				
	Gia Lai	-	-	-	15.952.961.604	-	-	29.200.000	
14	Sở Tài chính	-	-	2.300.000.000	56.877.962.913	-	-	44.000.000	
	Bình Định				29.772.962.913				
	Gia Lai	-	-	2.300.000.000	27.105.000.000	-	-	44.000.000	
15	Sở Xây dựng	-	-	-	67.507.995.781	-	-	37.200.000	
	Bình Định				28.161.995.781				
	Gia Lai	-	-	-	39.346.000.000	-	-	37.200.000	
16	Sở Giao thông vận tải	-	-	-	2.344.844.294	-	-	-	
	Bình Định				2.344.844.294				
	Gia Lai								
17	Sở Giáo dục và Đào tạo	-	-	67.000.000	24.752.105.226	-	-	1.241.395.000	
	Bình Định				11.258.839.000				
	Gia Lai	-	-	67.000.000	13.493.266.226	-	-	1.241.395.000	
18	Sở Y tế	-	1.117.275.000.000	66.405.910.921	39.187.362.001	-	-	1.986.954.000	
	Bình Định		435.174.000.000	49.134.910.921	18.898.221.046				
	Gia Lai	-	682.101.000.000	17.271.000.000	20.289.140.955	-	-	1.986.954.000	
19	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	-	-	30.747.010.011	1.561.696.460	-	-	-	
	Bình Định			30.747.010.011	1.561.696.460				
	Gia Lai								
20	Sở Văn hóa và Thể thao	6.320.346.682	-	-	1.482.353.647	-	-	-	
	Bình Định	6.320.346.682			1.482.353.647				
	Gia Lai								
21	Sở Tài nguyên và Môi trường	-	-	-	2.610.440.282	-	-	-	
	Bình Định				2.610.440.282				
	Gia Lai								
22	Sở Thông tin và Truyền thông	-	-	-	1.090.529.957	-	-	-	
	Bình Định				1.090.529.957				
	Gia Lai								
23	Sở Nội vụ	-	-	58.225.528.736	74.496.781.417	-	-	789.100.000	
	Bình Định			36.539.079.736	36.387.792.028				
	Gia Lai	-	-	21.686.449.000	38.108.989.389	-	-	789.100.000	
24	Sở Ngoại vụ	-	-	-	8.217.000.000	-	-	-	
	Bình Định				8.217.000.000				
	Gia Lai								
25	Thanh tra tỉnh	-	-	-	35.337.487.828	-	-	16.800.000	
	Bình Định				24.253.487.828				
	Gia Lai	-	-	-	11.084.000.000	-	-	16.800.000	
26	Ban Dân tộc tỉnh	-	-	-	590.387.269	-	-	-	
	Bình Định				590.387.269				
	Gia Lai								

STT	Tên đơn vị	Bao gồm							Ghi chú
		Chi sự nghiệp thể dục thể thao	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Chi đảm bảo xã hội	Chi hành chính	Chi An ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi Quốc phòng	Chi khác	
27	Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh	-	-	-	18.416.000.000	-	-	11.600.000	
	Bình Định				11.856.000.000				
	Gia Lai	-	-	-	6.560.000.000	-	-	11.600.000	
28	Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tỉnh	-	-	-	16.998.000.000	-	-	9.200.000	
	Bình Định				9.149.000.000				
	Gia Lai	-	-	-	7.849.000.000	-	-	9.200.000	
29	Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh	-	-	-	37.289.000.000	-	-	14.400.000	
	Bình Định				18.745.000.000				
	Gia Lai	-	-	-	18.544.000.000	-	-	14.400.000	
30	Hội Nông dân tỉnh	-	-	-	18.385.000.000	-	-	8.800.000	
	Bình Định				10.252.000.000				
	Gia Lai	-	-	-	8.133.000.000	-	-	8.800.000	
31	Hội Cựu chiến binh tỉnh	-	-	-	9.294.000.000	-	-	4.800.000	
	Bình Định				4.750.000.000				
	Gia Lai	-	-	-	4.544.000.000	-	-	4.800.000	
32	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn	-	-	-	-	-	-	-	
	Bình Định								
	Gia Lai								
33	Trường Cao đẳng Y tế Bình Định	-	-	-	-	-	-	-	
	Bình Định								
	Gia Lai								
34	Trường Chính trị tỉnh	-	-	-	-	-	-	15.200.000	
	Bình Định								
	Gia Lai	-	-	-	-	-	-	15.200.000	
35	Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh	-	-	-	-	-	-	-	
	Bình Định								
	Gia Lai								
36	Đài Phát thanh và Truyền hình	-	-	-	-	-	-	-	
	Bình Định								
	Gia Lai								
37	Văn phòng điều phối về biến đổi khí hậu	-	-	-	-	-	-	-	
	Bình Định								
	Gia Lai								
38	Ban An toàn giao thông tỉnh	-	-	-	1.090.000.000	-	-	2.000.000	
	Bình Định								
	Gia Lai	-	-	-	1.090.000.000	-	-	2.000.000	
39	Liên minh các Hợp tác xã	-	-	-	4.248.000.000	-	-	5.600.000	
	Bình Định				4.248.000.000				
	Gia Lai	-	-	-	-	-	-	5.600.000	
40	Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh	-	-	-	4.717.000.000	-	-	2.400.000	
	Bình Định				3.589.000.000				

STT	Tên đơn vị	Bao gồm							Ghi chú
		Chi sự nghiệp thể dục thể thao	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Chi đảm bảo xã hội	Chi hành chính	Chi An ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi Quốc phòng	Chi khác	
	Gia Lai	-	-	-	1.128.000.000	-	-	2.400.000	
41	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam tỉnh	-	-	-	1.603.000.000	-	-	-	
	Bình Định				1.171.000.000				
	Gia Lai	-	-	-	432.000.000	-	-	-	
42	Hội Văn học nghệ thuật tỉnh	-	-	-	6.418.000.000	-	-	3.600.000	
	Bình Định				6.418.000.000				
	Gia Lai	-	-	-	-	-	-	3.600.000	
43	Hội Nhà báo tỉnh	-	-	-	5.992.000.000	-	-	1.600.000	
	Bình Định				3.708.000.000				
	Gia Lai	-	-	-	2.284.000.000	-	-	1.600.000	
44	Hội Chữ thập đỏ tỉnh	-	3.848.000.000	-	3.518.000.000	-	-	5.600.000	
	Bình Định				3.518.000.000				
	Gia Lai	-	3.848.000.000	-	-	-	-	5.600.000	
45	Hội Luật gia tỉnh	-	-	-	779.000.000	-	-	-	
	Bình Định				729.000.000				
	Gia Lai	-	-	-	50.000.000	-	-	-	
46	Hội Người mù tỉnh	-	-	1.184.000.000	993.000.000	-	-	1.200.000	
	Bình Định				993.000.000				
	Gia Lai	-	-	1.184.000.000	-	-	-	1.200.000	
47	Hội Đông y tỉnh	-	671.000.000	-	636.000.000	-	-	400.000	
	Bình Định				636.000.000				
	Gia Lai	-	671.000.000	-	-	-	-	400.000	
48	Hội nạn nhân chất độc da cam/Dioxin	-	-	1.201.000.000	1.013.000.000	-	-	800.000	
	Bình Định				1.013.000.000				
	Gia Lai	-	-	1.201.000.000	-	-	-	800.000	
49	Hội Cựu Thanh niên xung phong tỉnh	-	-	-	1.143.000.000	-	-	-	
	Bình Định				535.000.000				
	Gia Lai	-	-	-	608.000.000	-	-	-	
50	Hội Bảo trợ Người khuyết tật và Bảo vệ quyền trẻ em tỉnh Bình Định	-	-	818.000.000	1.204.000.000	-	-	-	
	Bình Định				1.204.000.000				
	Gia Lai	-	-	818.000.000	-	-	-	-	
51	Hội Khuyến học tỉnh	-	-	-	700.000.000	-	-	-	
	Bình Định				700.000.000				
	Gia Lai	-	-	-	-	-	-	-	
52	Hội Cựu tù chính trị cách mạng tỉnh	-	-	567.000.000	918.200.000	-	-	-	
	Bình Định				918.200.000				
	Gia Lai	-	-	567.000.000	-	-	-	-	
53	Hội Người cao tuổi tỉnh	-	-	-	2.180.000.000	-	-	400.000	
	Bình Định				1.327.000.000				
	Gia Lai	-	-	-	853.000.000	-	-	400.000	

STT	Tên đơn vị	Bao gồm							Ghi chú
		Chi sự nghiệp thể dục thể thao	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Chi đảm bảo xã hội	Chi hành chính	Chi An ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi Quốc phòng	Chi khác	
54	Hội Bảo trợ bệnh nhân nghèo tỉnh	-	-	-	643.000.000	-	-	-	
	Bình Định				643.000.000				
	Gia Lai								
55	Hội Làm vườn (Hiệp hội VAC)	-	-	-	453.000.000	-	-	-	
	Bình Định				453.000.000				
	Gia Lai								
56	Trung tâm Quốc tế Khoa học và Giáo dục liên ngành (Trung tâm ICISE)	-	-	-	-	-	-	-	
	Bình Định								
	Gia Lai								
58	Kinh phí thực hiện các chính sách bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội tự nguyện trên địa bàn tỉnh	-	1.555.359.000.000	3.873.000.000	-	-	-	-	
	Bình Định		592.603.000.000						
	Gia Lai	-	962.756.000.000	3.873.000.000	-	-	-	-	
63	Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh	-	-	-	-	-	-	-	
	Bình Định								
	Gia Lai								
64	Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội Bình Định	-	-	120.029.000.000	-	-	-	-	
	Bình Định			120.029.000.000					
	Gia Lai								
65	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	95.350.767.396	-	-	26.133.395.213	-	-	99.400.000	
	Bình Định	72.068.767.396			15.369.346.817				
	Gia Lai	23.282.000.000	-	-	10.764.048.396	-	-	99.400.000	
66	Bảo và Phát thanh và Truyền hình	-	-	-	-	-	-	-	
	Bình Định								
	Gia Lai								
67	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông và Dân dụng tỉnh	-	-	-	-	-	-	-	
	Bình Định								
	Gia Lai								
68	Sở Nông nghiệp và Môi trường	-	-	-	247.753.145.693	-	-	492.000.000	
	Bình Định				98.753.542.263			100.000.000	
	Gia Lai	-	-	-	148.999.603.430	-	-	392.000.000	
69	Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh	-	-	-	-	-	-	-	
	Bình Định								
	Gia Lai								
70	Sở Dân tộc và Tôn giáo	-	-	3.406.000.000	21.345.585.887	-	-	14.400.000	
	Bình Định			900.000.000	8.331.585.887				

STT	Tên đơn vị	Bao gồm							Ghi chú
		Chi sự nghiệp thể dục thể thao	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Chi đảm bảo xã hội	Chi hành chính	Chi An ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi Quốc phòng	Chi khác	
	Gia Lai	-	-	2.506.000.000	13.014.000.000	-	-	14.400.000	
71	Công ty TNHH Lâm Nghiệp Quy Nhơn	-	-	-	-	-	-	-	
	Bình Định								
	Gia Lai								
72	Trường đại học Quy Nhơn	-	-	-	29.200.000	-	-	-	
	Bình Định				29.200.000				
	Gia Lai								
72	Ban liên lạc những người tham gia hoạt động cách mạng trong các thời kỳ kháng chiến hiện đang sinh sống trên địa bàn tỉnh	-	-	-	386.000.000	-	-	-	
	Bình Định								
	Gia Lai	-	-	-	386.000.000	-	-	-	
73	Trường Cao đẳng Gia Lai	-	-	-	-	-	-	71.200.000	
	Bình Định								
	Gia Lai	-	-	-	-	-	-	71.200.000	
74	Vườn quốc gia Kon Ka Kinh	-	-	-	-	-	-	31.600.000	
	Bình Định								
	Gia Lai	-	-	-	-	-	-	31.600.000	
75	Trung tâm nuôi dưỡng, phục hồi chức năng bán trú cho nạn nhân chất độc da cam/dioxin	-	-	966.000.000	-	-	-	400.000	
	Bình Định								
	Gia Lai	-	-	966.000.000	-	-	-	400.000	
76	Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	-	-	-	-	-	-	-	
	Bình Định								
	Gia Lai	-	-	-	-	-	-	-	
79	Kinh phí thực hiện các chính sách được cấp thẩm quyền ban hành (Bình Định)	-	-	-	-	181.529.000.000	-	15.000.000.000	
'-	Chi cấp bù thủy lợi phí	-	-	-	-	-	-	-	
'-	Chi thực hiện các chính sách bảo trợ xã hội	-	-	-	-	115.741.000.000	-	-	
'-	Chi thực hiện Đề án hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh Bình Định đến năm 2025	-	-	-	-	62.450.000.000	-	-	
'-	Chi hỗ trợ để bảo vệ, phát triển đất trồng lúa	-	-	-	-	-	-	-	

STT	Tên đơn vị	Bao gồm							Ghi chú
		Chi sự nghiệp thể dục thể thao	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Chi đảm bảo xã hội	Chi hành chính	Chi An ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi Quốc phòng	Chi khác	
'-	Chính sách hỗ trợ kinh phí mua sắm, lắp đặt thiết bị giám sát hành trình trên tàu cá có chiều dài từ 12 mét đến dưới 15 mét hoạt động nghề câu mực (mảnh mực) thường xuyên đi chuyên ngư trường tại các tỉnh phía Nam cho ngư dân trên địa bàn tỉnh Bình Định	-	-	-	-	-	-	-	
'-	Chi thực hiện các chính sách của địa phương về hỗ trợ xã xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Bình Định (vốn sự nghiệp đối ứng chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới)	-	-	-	-	-	-	-	
	Chi thực hiện các chính sách của địa phương: hỗ trợ cho doanh nghiệp tham gia hội chợ; hỗ trợ người sử dụng dịch vụ hòa táng; các chính sách nông nghiệp; các chính sách đã ban hành khác còn lại; và các chính sách của địa phương được Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành tại kỳ họp lần thứ 20 năm 2024	-	-	-	-	3.338.000.000	-	15.000.000.000	
80	Chi khác ngân sách (Bình Định)	-	-	-	-	-	-	67.498.692.500	
'-	Kinh phí phục vụ Đại hội Đảng	-	-	-	-	-	-	20.000.000.000	
'-	Mua dịch vụ xe buýt							19.000.000.000	
'-	Hỗ trợ Cục Thống kê							3.075.000.000	
'-	Hỗ trợ Cục Thuế							240.000.000	
'-	Hỗ trợ Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh							400.000.000	
'-	Hỗ trợ Tòa án nhân dân tỉnh							500.000.000	
'-	Hỗ trợ Trung đoàn 925							500.000.000	
'-	Hỗ trợ học bổng hàng năm cho sinh viên Lào							5.000.000.000	
'-	Hỗ trợ hoạt động Ban chỉ đạo chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả (Ban chỉ đạo 389)							300.000.000	
'-	Chi lại từ nguồn thu xử phạt, tịch thu, thanh tra; hỗ trợ lãi vay vốn; các khoản chi khác còn lại							18.483.692.500	
81	Các đơn vị và nhiệm vụ còn lại của Gia Lai	-	-	5.789.000.000	2.020.000.000	-	-	1.236.200.000	

STT	Tên đơn vị	Bao gồm							Ghi chú
		Chi sự nghiệp thể dục thể thao	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Chi đảm bảo xã hội	Chi hành chính	Chi An ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi Quốc phòng	Chi khác	
1-	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Lơ Ku			-	-			-	
1-	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ka Nak			-	-			-	
1-	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Krông Pa			-	-			-	
1-	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kông Chro			-	-			-	
1-	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đắk Roong			-	-			-	
1-	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trạm Lập			-	-			-	
1-	Công ty CP Kinh doanh HXK Quang Đức			-	-			-	
1-	Công ty TNHH MTV Cao su Mang Yang			-	-			-	
1-	Công ty TNHH MTV Cao su Chư Sê			-	-			-	
1-	Công ty TNHH MTV Cao su Chư Prông			-	-			-	
1-	Công ty TNHH MTV Cao su Chư Păh			-	-			-	
1-	Công ty Cổ phần Cà phê Gia Lai			-	-			-	
1-	Công ty Cổ phần đô thị							50.000.000	
1-	Bố trí vốn đối ứng CTMTQG giảm nghèo bền vững (Sở Lao động thương binh và Xã hội trình UBND tỉnh phân bổ cho các đơn vị liên quan)			-	-			-	
1-	Bố trí vốn đối ứng vốn sự nghiệp CT MTQG Nông thôn mới (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình UBND tỉnh phân bổ cho các đơn vị liên quan)			-	-			-	
1-	Bố trí vốn đối ứng vốn sự nghiệp CT MTQG Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (Ban dân tộc phối hợp với Sở Tài chính trình UBND tỉnh phân bổ cho các đơn vị liên quan)			-	-			-	
1-	Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Gia Lai			-	-			-	
1-	Tòa án nhân dân tỉnh			-	600.000.000			-	
1-	Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh			-	500.000.000			-	
1-	Cục thi hành án dân sự tỉnh			-	182.000.000			-	

STT	Tên đơn vị	Bao gồm							Ghi chú
		Chi sự nghiệp thể dục thể thao	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Chi đảm bảo xã hội	Chi hành chính	Chi An ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi Quốc phòng	Chi khác	
'-	Cục Quản lý thị trường tỉnh (hỗ trợ kinh phí hoạt động của BCD 389 tỉnh)			-	150.000.000			-	
'-	Buru điện tỉnh			-	-			1.147.000.000	
'-	Hỗ trợ làng trẻ em SOS Pleiku			5.789.000.000	-			-	
'-	Liên đoàn lao động tỉnh			-	588.000.000			39.200.000	
83	Chi thực hiện chế độ, chính sách của tỉnh và các nhiệm vụ của ngân sách tỉnh theo chỉ đạo của cấp thẩm quyền (Bình Định)	3.641.885.922	1.000.000.000	9.234.999.332	13.325.314.683	10.000.000	4.561.000.000		
	Trong đó:								
	Số đã phân bổ chi các đơn vị, huyện, thị xã, thành phố đến ngày 30/6/2025		791.000.000	723.000.000	5.118.046.000		713.174.200		
	Số còn lại	3.641.885.922	209.000.000	8.511.999.332	8.207.268.683	10.000.000	3.847.825.800	-	
84	Các nhiệm vụ của ngân sách tỉnh (Gia Lai)	-	-	-	1.689.238.017	-	-	57.283.418.916	
'-	Kinh phí hỗ trợ sau đại học			-	-			-	
	Trong đó:								
	Số đã phân bổ chi các đơn vị, huyện, thị xã, thành phố đến ngày 30/6/2025								
	Số còn lại	-	-	-	-	-	-	-	
'-	Sự nghiệp môi trường khác								
'-	Sự nghiệp khoa học công nghệ chờ phân bổ sau	-	-	-	-	-	-	-	
'-	Chi đảm bảo ATGT từ nguồn thu phạt an toàn giao thông	-	-	-	-	-	-	-	
'-	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đối ngoại, công tác biên giới			-	-			4.338.205.000	
	Trong đó:								
	Số đã phân bổ chi các đơn vị, huyện, thị xã, thành phố đến ngày 30/6/2025							200.000.000	
	Số còn lại	-	-	-	-	-	-	4.138.205.000	
'-	Kinh phí phục vụ tết nguyên đán và các khoản chi khác			-	-			52.945.213.916	
	Trong đó:								
	Số đã phân bổ chi các đơn vị, huyện, thị xã, thành phố đến ngày 30/6/2025							43.334.695.200	
	Số còn lại	-	-	-	-	-	-	9.610.518.716	
'-	Các nhiệm vụ chuyển về ngân sách tỉnh				1.689.238.017				

**KINH PHÍ ĐIỀU CHỈNH GIẢM TỪ NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VỀ NGÂN SÁCH TỈNH ĐỂ PHÂN BỐ
DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NĂM 2025 (TỈNH BÌNH ĐỊNH TRƯỚC SẮP XẾP)**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
	Tổng cộng	285.302	
1	Chi cấp bù thủy lợi phí	1.324	
2	Kinh phí thực hiện các chính sách được cấp thẩm quyền ban hành	283.978	
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	52.127	
-	Chi sự nghiệp khoa học - công nghệ	2.648	
-	Chi sự nghiệp môi trường	22.000	
-	Chi khác ngân sách (kinh phí mua xe cho xã, phường còn thiếu)	25.600	
-	Chi khác ngân sách	181.603	